

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: *1*/MHC
V/v: "BCTC Quý 4 năm 2015
- Hợp nhất"

Hải Phòng, ngày 04 tháng 02 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần MHC

Mã chứng khoán: MHC

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7 Tòa nhà Hải An, Km 2 Đường Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng.

Điện thoại: 0313 614630

Fax: 0313 614640

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Lan Anh

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Licogi 13, 164 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04 35770810

Fax:

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính quý 4 năm 2015 - Hợp nhất và Công văn giải trình.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 05/02/2016 tại đường dẫn www.marinahanoi.com.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính quý 4 năm 2015 - Hợp nhất
- Công văn 17/MHC

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
Nguyễn Thị Lan Anh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 (HỢP NHẤT)

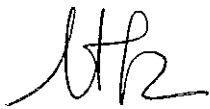
Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		348,999,199,282	63,135,502,029
I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110		6,421,750,862	1,996,964,408
1. Tiền	111		2,679,867,803	1,996,964,408
2. Các khoản tương đương tiền	112		3,741,883,059	0
II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120		149,154,750,102	351,463,938
1. Chứng khoán kinh doanh	121		150,333,762,082	351,463,938
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1,179,011,980)	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	130		191,019,531,105	56,299,114,503
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		14,147,224,635	59,011,704,260
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		258,450,000	4,302,741,435
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		187,512,847,064	3,785,235,335
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(10,898,990,594)	(10,800,566,527)
IV. HÀNG TỒN KHO	140		899,000	3,398,500
1. Hàng tồn kho	141		899,000	3,398,500
V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	150		2,402,268,213	4,484,560,680
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		391,679,714	534,102,277
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,436,516,346	364,573,648
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		574,072,153	575,072,153
4. Tài sản ngắn hạn khác	155			3,010,812,602
B -TÀI SẢN DÀI HẠN	200		75,998,779,486	186,716,379,023
I. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN	210		10,000,000,000	10,000,000,000
1. Phải thu dài hạn khác	216		10,000,000,000	10,000,000,000
II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	220		35,479,326,446	34,066,331,306
1. Tài sản cố định hữu hình	221		34,732,832,646	33,319,837,506
- Nguyên giá	222		55,873,259,534	52,858,119,949
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(21,140,426,888)	(19,538,282,443)
2. Tài sản cố định vô hình	227		746,493,800	746,493,800
- Nguyên giá	228		746,493,800	746,493,800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
IV. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN	240		0	60,480,000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	60,480,000
III. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	250		30,507,453,954	142,128,640,303
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		25,032,223,754	137,628,640,303
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5,475,230,200	4,500,000,000
IV. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	260		11,999,086	460,927,414
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		9,499,086	458,427,414
2. Tài sản dài hạn khác	268		2,500,000	2,500,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		424,997,978,768	249,851,881,052

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	4
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		19,879,834,682	58,585,641,763
I. NỢ NGẮN HẠN	310		18,822,511,586	57,394,791,763
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		7,158,381,332	9,256,226,874
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		323,974,513	426,472,792
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		3,128,727,996	255,393,482
4. Phải trả người lao động	314		2,239,770,341	2,631,703,286
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2,677,584,961	17,755,601,089
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		10,909,090	10,909,091
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		2,417,035,149	7,099,902,399
8. Vay ngắn hạn	320		762,000,000	19,800,000,000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		104,128,204	158,582,750
II. NỢ DÀI HẠN	330		1,057,323,096	1,190,850,000
1. Phải trả dài hạn khác	337		286,223,096	1,190,850,000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		771,100,000	
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		405,118,144,086	191,266,239,289
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	410		405,118,144,086	191,266,239,289
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		271,109,080,000	135,555,140,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		271,109,080,000	135,555,140,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28,679,580,000	24,001,910,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	415		(1,200,000)	(1,200,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		8,712,225,710	8,712,225,710
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		96,618,458,376	22,998,163,579
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19,625,392,173	(47,647,738,010)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		76,993,066,203	70,645,901,589
II. NGUỒN KINH PHÍ, QUỸ KHÁC	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		424,997,978,768	249,851,881,052

Hải Phòng, ngày 28 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



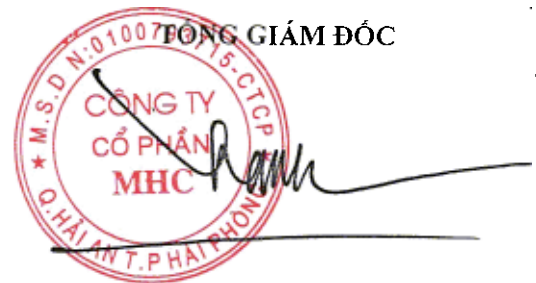
Lê Thị Lan Hương

TRƯỞNG PHÒNG KT



Nguyễn Thị Lan Anh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Tiến Thành

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)**QUÝ IV NĂM 2015 (HỢP NHẤT)**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		17,571,649,265	9,439,991,150	68,019,291,013	69,712,418,153
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV (10=01-03)	10		17,571,649,265	9,439,991,150	68,019,291,013	69,712,418,153
4. Giá vốn hàng bán	11		15,604,323,849	9,052,209,280	61,282,069,811	52,514,666,182
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20=10-11)	20		1,967,325,416	387,781,870	6,737,221,202	17,197,751,971
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		40,243,399,782	106,841,086	44,447,510,648	5,910,095,069
7. Chi phí tài chính	22		5,515,280,570	485,291,665	13,730,031,866	2,311,041,548
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		181,774,064	484,388,887	1,177,278,572	2,008,301,490
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		15,145,722,519	18,883,888,979	46,640,877,365	39,396,556,490
9. Chi phí bán hàng	25		0	0	0	548,928,179
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2,071,128,006	8,691,219,268	6,916,494,287	25,961,599,187
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30= 20+ (21-22)-(24+25)}	30		49,770,039,141	10,202,001,002	77,179,083,062	33,682,834,616
12. Thu nhập khác	31		0		897,535,645	58,493,997,455
13. Chi phí khác	32		0	4,166,453	(3,374,912,784)	18,434,464,262
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	(4,166,453)	4,272,448,429	40,059,533,193
15. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		49,770,039,141	10,197,834,549	81,451,531,491	73,742,367,809
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2,995,445,861	20,510,503	4,458,465,288	1,344,444,404
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		46,774,593,280	10,177,324,046	76,993,066,203	72,397,923,405
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		0	0	0	1,752,021,816
18.2. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		46,774,593,280	10,177,324,046	76,993,066,203	70,645,901,589
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

Hải Phòng, ngày 28 tháng 01 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG KT






Lê Thị Lan Hương

Nguyễn Thị Lan Anh

Đặng Tiến Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ(Theo phương pháp gián tiếp)
QUÝ IV NĂM 2015 (HỢP NHẤT)

DIỄN GIẢI	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>		81,451,531,491	73,742,367,809
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02		2,157,403,042	2,716,520,732
-Các khoản dự phòng	03		1,097,436,047	7,333,746,058
-(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(60,397,927)	(125,278,314)
-(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(85,486,327,264)	(81,789,556,419)
-Chi phí Lãi vay	06		1,177,278,572	2,008,301,490
<i>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>		336,923,961	3,886,101,356
(Tăng) / giảm các khoản phải thu	09		(51,686,020,552)	14,073,730,537
(Tăng) / giảm hàng tồn kho	10		2,499,500	2,321,900
Tăng / (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(22,786,639,131)	(38,609,047,336)
(Tăng) / giảm chi phí trả trước	12		690,580,529	(161,278,494)
(Tăng) / giảm chứng khoán kinh doanh	13		(150,022,798,144)	
Tiền lãi vay đã trả	14		(3,677,274,941)	(5,965,168,380)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(595,851,745)	0
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		0	179,933,333
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(13,100,000)	(7,715,588,544)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		(227,751,680,523)	(34,308,995,628)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3,509,918,182)	(1,341,839,091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		145,454,545	5,707,385,557
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	(10,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3,200,000,000	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(46,687,879,190)	(19,596,320,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		133,013,992,931	9,872,213,271
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24,050,036,906	22,513,837,832
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		110,211,687,010	7,155,277,569
III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		140,231,610,000	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		43,113,388,889	16,600,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(61,380,288,889)	(28,702,058,000)

DIỄN GIẢI	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>121,964,710,000</i>	<i>(12,102,058,000)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</i>	<i>50</i>		<i>4,424,716,487</i>	<i>(39,255,776,059)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	<i>60</i>		<i>1,996,964,408</i>	<i>41,252,671,766</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		69,967	68,701
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</i>	<i>70</i>		<i>6,421,750,862</i>	<i>1,996,964,408</i>

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG KT

Hải Phòng, ngày 28 tháng 01 năm 2016
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thị Lan Hương

Nguyễn Thị Lan Anh

Đặng Tiến Thành

10/11

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 7, tòa nhà Hải An, km 2 đường Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành phố Hải Phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2015

I. Đơn vị báo cáo

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần MHC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty quý 4 năm 2015 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

2. Lĩnh vực kinh doanh, ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; đại lý hàng hải;
- Lai dắt tàu biển;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy; và
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 1 công ty con và 3 công ty liên doanh, liên kết (1/1/2015: 1 công ty con và 4 công ty liên doanh, liên kết).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty và các công ty con có 75 nhân viên (1/1/2015: 64 nhân viên).

II. Cơ sở lập báo cáo tài chính

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng

1. Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202.

2. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4-2015, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý 4-2015 được lập theo phương pháp gián tiếp.

3. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi

hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty hoặc các công ty con và ngân hàng thương mại.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao (có kỳ hạn dưới 3 tháng), có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3. Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

6. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh.

Nếu BCC quy định các bên khác trong BCC chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ, trường hợp này bên kế toán và quyết toán thuế phải áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu để ghi nhận doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong kỳ, đồng thời cung cấp bằng chứng về việc quyết toán thuế cho các bên khác; các bên khác được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần mình được chia từ BCC, báo cáo cơ quan thuế về việc khoản doanh thu, chi phí này đã được thực hiện nghĩa vụ thuế làm căn cứ điều chỉnh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|----------|
| ▪ nhà cửa | 6-25 năm |
| ▪ dụng cụ văn phòng | 4 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 8 năm |

8. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Phí hội viên câu lạc bộ chơi golf

Phí hội viên câu lạc bộ chơi golf được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 30 năm.

10. Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

11. Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

13. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Thu nhập tài chính

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

14. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

16. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

V. Điều chỉnh lại số liệu so sánh

Trong quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa quý 4 năm 2015, Công ty đã điều chỉnh hồi tố và phân loại lại một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 để sửa chữa sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính hợp nhất của các năm trước liên quan đến các nội dung sau:

- Các khoản mục Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã bị phản ánh thừa 6.824.546.728 VND do sai sót trong quá trình tính toán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản mục Thặng dư vốn cổ phần, Vốn khác của chủ sở hữu và Cổ phiếu quỹ đã bị phản ánh thừa với số tiền tương ứng là 16.418.105.588 VND, 103.849.474 VND và 718.023.551 VND; khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã bị phản ánh thiếu với số tiền là 15.803.931.511 VND do sai sót trong hạch toán các bút toán hợp nhất.
- Trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2014, khoản mục Doanh thu hoạt động tài chính đã bị phản ánh thừa và khoản mục Phân lãi trong công ty liên doanh, liên kết đã bị phản ánh thiếu với cùng số tiền 19.445.440.000 VND do Công ty đã trình bày khoản cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh, liên kết trên khoản mục Doanh thu hoạt động tài chính thay vì phản ánh trên khoản mục Phân lãi trong công ty liên doanh, liên kết.

I. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	270,237,325	251,674,626
Tiền gửi ngân hàng	2,409,630,478	1,745,289,782
Các khoản tương đương tiền	3,741,883,059	-
	6,421,750,862	1,996,964,408

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
+ Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam	3,530,479,042	3,663,019,227
+ Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An		121,306,580,529
+ Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa Phương Thức		10,139,791,422
+ Công ty CP Quản lý và Kinh doanh BĐS Hà Nội	2,325,744,712	2,519,249,125
+ Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Điện Lực Potraco	19,176,000,000	
	25,032,223,754	137,628,640,303

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)

	31/12/2015			1/1/2015		
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chứng khoán kinh doanh		150,333,762,082	(1,179,011,980)		351,463,938	
+ Cổ phiếu HMM - Công ty Cổ phần Hải Minh	99	1,405,583		99	1,405,583	
+ Cổ phiếu Sabeco - TCT Bia - Rượu - Nước giải khát SG	5,000	350,000,000		5,000	350,000,000	
+ Cổ phiếu TCT CP Thiết Bị Điện Việt Nam	2,000,000	35,453,100,000				
+ Cổ phiếu TMS - Công ty Cổ phần Transimex - Saigon	2	58,355		2	58,355	
+ Cổ phiếu Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An	3,239,060	35,802,873,364				
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần DAP	4,969,710	59,225,224,780	(1,179,011,980)			
+ Cổ phiếu Công ty CP Cung Ứng và DV KT Hàng Hải	1,500,000	15,001,100,000				
+ Cổ phiếu Công ty CP Dược Phẩm Trung Ương 3	4,500	4,500,000,000				

	31/12/2015				1/1/2015			
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				5,475,230,200				4,500,000,000
+ Công ty Cổ phần Dược phẩm TW3	-	-	-	-	450,000	8.57%	8.57%	4,500,000,000
+ Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Sài Gòn	542,102			5,475,230,200				

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	1/1/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	14,147,224,635	59,011,704,260
-TCT CP Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Việt Nam		45,404,539,000
-C.ty TNHH MTV - TCT Xây Dựng Lũng Lô	5,516,183,019	5,516,183,019
-Các khoản phải thu khách hàng khác	8,631,041,616	8,090,982,241
	<u>14,147,224,635</u>	<u>59,011,704,260</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn		
-Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	3,555,106,308	
-Đặt cọc đầu tư	178,653,042,200	
-Phải thu khác	5,304,698,556	3,785,235,335
	<u>187,512,847,064</u>	<u>3,785,235,335</u>

5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2015	1/1/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nợ quá hạn		
-Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	5,516,183,019	5,516,183,019
-Công ty Cổ phần Du lịch và Vận tải Dương Đông	1,846,428,831	1,846,428,831
-Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Sông Đào	328,000,000	328,000,000
-Công ty Giao thông Vận tải Quyết Tiến	238,100,000	238,100,000
-Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	110,000,000	110,000,000
-Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội Phía Nam	1,330,893,473	736,938,237
-Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	379,608,500	189,804,250
-Công ty Cổ phần Sản xuất Kính Quảng Ninh	157,200,000	157,200,000
-Công ty TNHH MTV Vận tải Quốc Huy	125,851,000	125,851,000
-Các khoản nợ xấu và nợ khó đòi khác	866,725,771	1,552,061,190
	<u>10,898,990,594</u>	<u>10,800,566,527</u>

6. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh	10,000,000,000	10,000,000,000

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 36/HĐHTKD ngày 06 tháng 8 năm 2015, các bên cam kết cùng hợp tác tổ chức kinh doanh, cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất, rủi ro từ hoạt động kinh doanh tàu chở container tương ứng với tỷ lệ vốn góp và các quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ				
1/1/2015	38,530,325,770	14,275,720,179	52,074,000	52,858,119,949
- Mua trong năm	-	3,570,398,182	-	3,570,398,182
- Thanh lý, nhượng bán	-	(555,258,597)	-	(555,258,597)
31/12/2015	<u>38,530,325,770</u>	<u>17,290,859,764</u>	<u>52,074,000</u>	<u>55,873,259,534</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
1/1/2015	6,563,947,939	12,922,260,504	52,074,000	19,538,282,443
- Khấu hao trong kỳ	1,548,718,284	608,684,758	-	2,157,403,042
- Thanh lý, nhượng bán	-	(555,258,597)	-	(555,258,597)
31/12/2015	<u>8,112,666,223</u>	<u>12,975,686,665</u>	<u>52,074,000</u>	<u>21,140,426,888</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
1/1/2015	<u>31,966,377,831</u>	<u>1,353,459,675</u>	-	<u>33,319,837,506</u>
31/12/2015	<u>30,417,659,547</u>	<u>4,315,173,099</u>	-	<u>34,732,832,646</u>

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 13, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ với nguyên giá 746.493.800 VND. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	988,817,357	1,188,817,357
Công ty Bảo Minh Bến Thành		1,129,920,708
Công ty TNHH Thương mại Lê Anh Quân		675,118,900
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Thanh Thảo		550,440,000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	368,666,460	536,141,700
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long	405,150,000	405,150,000
Các nhà cung cấp khác	5,395,747,515	4,770,638,209
	7,158,381,332	9,256,226,874

Nợ quá hạn chưa thanh toán:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long	405,150,000	405,150,000
Hãng Đăng kiểm Germanischer Lloyd	360,938,362	382,740,155
ISS Machinery Services	410,127,160	393,574,448
Howe Robinson & Co.Ltd	299,882,998	285,650,584
Trường Cao Đẳng Hàng Hải	247,584,025	247,584,025
Các nhà cung cấp khác	813,626,398	793,106,182
	2,537,308,943	2,507,805,394

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	149,153,368	149,967,746	(113,389,374)	185,731,740
Thuế giá trị gia tăng	47,758,868	3,028,756,698	(3,028,756,698)	47,758,868
Thuế thu nhập doanh nghiệp	58,481,246	3,432,607,887	(595,851,745)	2,895,237,388
Các loại thuế khác		3,000,000	(3,000,000)	-
	255,393,482	6,614,332,331	(3,740,997,817)	3,128,727,996

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	364,573,648	3,481,341,053	(2,409,398,355)	1,436,516,346
Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	575,072,153	169,047,929	(170,047,929)	574,072,153
	939,645,801			2,010,588,499

11. Chi phí phải trả

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Chi phí chuyển nhượng giá trị tài sản trên đất - BS2		
Dung Quất	-	13,193,993,225
Chi phí lãi vay phải trả	1,177,278,572	3,019,918,591
Các khoản trích trước khác	1,500,306,389	1,541,689,273
	2,677,584,961	17,755,601,089

12. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Nhận tiền ứng trước từ hợp đồng chuyển nhượng vốn		2,628,000,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		1,857,936,076
Công ty CP Quản lý và Kinh doanh Bất Động Sản Hà Nội (*)	1,503,000,000	1,503,000,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	914,035,149	1,110,966,323
	2,417,035,149	7,099,902,399

(*) Khoản phải trả Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất Động Sản Hà Nội đã bị quá hạn

13. Vay ngắn hạn và dài hạn

	1/1/2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	5,800,000,000	43,630,388,889	(49,430,388,889)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	14,000,000,000	1,333,500,000	(14,571,500,000)	762,000,000
	19,800,000,000	44,963,888,889	(64,001,888,889)	762,000,000

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015	1/1/2015
			VND	VND
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	VND	6,8%		3,000,000,000
Ban Giám đốc	VND	12%		2,800,000,000
			-	5,800,000,000

Chi tiết các khoản vay dài hạn:

	Loại tiền	Lãi suất	Năm đáo	31/12/2015	1/1/2015
		năm	hạn	VND	VND
Ngân hàng 1	VND	Thả nổi	2015		14,000,000,000
Ngân hàng 2	VND	8%	2018	1,533,100,000	
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(762,000,000)	(14,000,000,000)
				771,100,000	-

Ngân hàng 1 : Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ

Ngân hàng 2 : Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Hải Phòng

14. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1/1/2015 - đã điều chỉnh phân loại lại	135,555,140,000	24,001,910,000	(1,200,000)	2,365,477,900	6,346,747,810	22,998,163,579	191,266,239,289
- Phân loại lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	-	-	-	-	-	-	-
- Phát hành cổ phiếu	135,553,940,000	4,677,670,000	-	-	-	-	140,231,610,000
- Lợi nhuận thuần trong kỳ		-	-	-	-	76,993,066,203	76,993,066,203
- Điều chỉnh tại các Công ty liên doanh, liên kết						(3,372,771,406)	(3,372,771,406)
31/12/2015	271,109,080,000	28,679,580,000	(1,200,000)	8,712,225,710	-	96,618,458,376	405,118,144,086

15. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	27,110,908	271,109,080,000	13,555,514	135,555,140,000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	120	1,200,000	120	1,200,000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	27,110,788	271,107,880,000	13,555,394	135,553,940,000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Bransford International Ltd	Nợ đọng kéo dài	2013	1,510,085,635	1,510,085,635
Công ty TNHH Đền hình Orion Hanel	Doanh nghiệp phá sản	2012	1,007,000,000	1,007,000,000
Far Shipping Lines Pte Ltd	Nợ đọng kéo dài	2013	832,800,000	832,800,000
Tổng Công ty Xây dựng Số 1	Nợ đọng kéo dài	2012	353,441,000	353,441,000
Obayashi Corporation	Nợ đọng kéo dài	2013	671,955,900	671,955,900
Nợ khó đòi khác	Nợ đọng kéo dài	2012	1,406,380,106	1,406,380,106
			5,781,662,641	5,781,662,641

II. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu vận tải	21,320,536,347	62,005,194,717
Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi, cầu bến	10,605,504,879	3,408,259,236
Doanh thu được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	32,752,024,287	
Doanh thu dịch vụ khác	3,341,225,500	4,298,964,200
	68,019,291,013	69,712,418,153

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn vận tải	18,347,212,673	44,421,528,202
Giá vốn cho thuê văn phòng, kho bãi, cầu bến	12,900,170,356	4,725,499,538
Giá vốn được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	28,171,060,578	
Giá vốn dịch vụ khác	1,863,626,204	3,367,638,442
	61,282,069,811	52,514,666,182

3. Doanh thu tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3,674,037,095	907,255,114
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	39,334,107,126	2,115,786,729
Cổ tức được chia	1,378,968,500	2,645,628,700
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	60,397,927	241,424,526
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
	44,447,510,648	5,910,095,069

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1,177,278,572	2,008,301,490
Lỗ do mua bán chứng khoán kinh doanh	9,992,853,516	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,096,376	302,740,058
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	1,379,791,422	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	1,179,011,980	-
Chi phí tài chính khác		
	13,730,031,866	2,311,041,548

5. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chuyển nhượng Bền số 2		51,440,892,500
Hoàn nhập chi phí lãi vay được miễn giảm	250,000,000	6,751,148,519
Chuyển nhượng thẻ hội viên câu lạc bộ gôn	501,625,100	-
Các khoản thu nhập khác	145,910,545	301,956,436
	897,535,645	58,493,997,455

6. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Điều chỉnh giảm chi phí chuyển nhượng giá trị tài sản trên đất - Bền số 2 Dung Quất	(3,601,807,976)	13,809,308,000
Chi phí thiết kế đóng tàu		1,940,819,250
Chi phí khác	226,895,192	2,684,337,012
	(3,374,912,784)	18,434,464,262

Trong năm 2014, Công ty đã bàn giao xong bền số 2 Dung Quất cho Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí. Theo Phụ lục hợp đồng ngày 4 tháng 5 năm 2015, Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí thống nhất giảm bớt một hạng mục cần bàn giao. Theo đó, Công ty điều chỉnh giảm khoản chi phí thuần đã trích trước trong năm 2014 cho hạng mục này.

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế ký hiện hành	3,232,024,842	1,344,444,404
Thuế thu nhập doanh nghiệp trích lập thiếu trong năm trước	200,583,045	
Thuế thu nhập doanh nghiệp bị chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	1,025,857,401	
	<u>4,458,465,288</u>	<u>1,344,444,404</u>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ (a)	76,993,066,203	70,520,623,275
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền		
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	13,555,394	13,555,394
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu phổ thông trong kỳ (ngày 4 tháng 3 năm 2015)	11,296,162	
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu đang lưu hành trong năm (b)		
trong kỳ (b)	24,851,556	13,555,394
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (a : b)	<u>3,098</u>	<u>5,202</u>

Hải Phòng, ngày 28 tháng 01 năm 2016

Người lập:



Lê Thị Lan Hương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thị Lan Anh
Kế toán trưởng



Đặng Tiến Thành
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----oOo-----

Số: 17/MHC
V/v: "Giải trình BCTC Quý IV/2015 – Hợp nhất"

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2016

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần MHC – Mã giao dịch MHC trên Sở GDCK TP.HCM, xin được giải trình kết quả kinh doanh Quý 4 năm 2015 như sau:

- Tổng doanh thu bán hàng, hoạt động tài chính và thu nhập khác là: 57.815.049.047 VND
- Lãi quý 4-2015: 46.774.593.280 VND
- Lãi quý 4-2014: 10.177.324.046 VND

Kết quả kinh doanh quý 4/2015 của Công ty có lãi cao hơn so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do: Quý 4/2015 Công ty thu được khoản lãi từ chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HAH).

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban KS
- TCKT
- Lưu VT

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC



ÔNG GIÁM ĐỐC

Dặng Tiến Thành